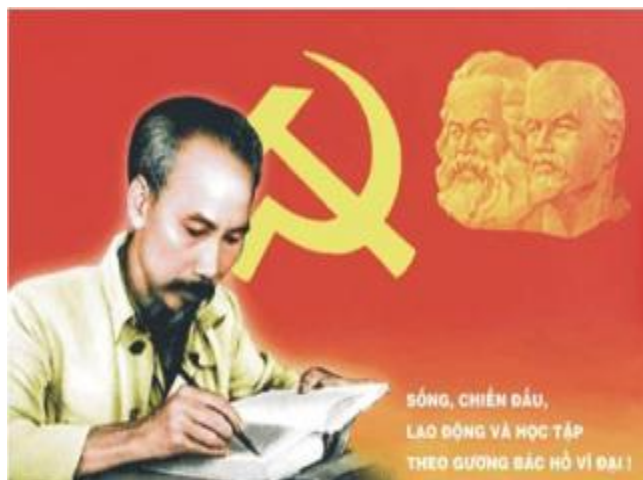


Bác Hồ – người khai sinh báo chí cách mạng Việt Nam



Hàng năm, cứ đến Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam 21-6, chúng ta lại không khỏi bồi hồi nhớ tới vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất Việt Nam, người đã khai sáng nền báo chí cách mạng Việt Nam.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết trên 2000 bài báo từ bài viết đầu tiên, Quyền của các dân tộc thuộc địa trên Báo Nhân đạo của Pháp ngày 18-6-1919 đến bài báo cuối cùng, Thư trả lời tổng thống Mỹ trên Báo Nhân dân

ngày 25-8-1969, tức chỉ một tuần trước ngày Bác đi xa. Hồ Chí Minh là người sáng lập và đồng sáng lập 9 tờ báo và tạp chí như: Le Paria (Người cùng khổ) in bằng tiếng Pháp ra số đầu tiên vào ngày 1-4-1922 tại Pari, Quốc tế Nông dân – 1924; Thanh niên – 1925, Công nông – 1925, Lính Kách mệnh- 1925, Thân ái- 1928, Tạp chí Đỏ, tiền thân của Tạp chí Cộng sản hiện nay- 1929, Việt Nam Độc lập – 1941, Cứu quốc – 1942. Năm 1925, cùng với việc thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Nguyễn Ái Quốc sáng lập tờ Báo Thanh niên. Với việc sáng lập Báo Thanh niên, Hồ Chí Minh đã chính thức khai sinh ra nền báo chí cách mạng Việt Nam, bởi tờ báo là trường học bồi dưỡng, tập hợp lực lượng cách mạng.

Trong cuộc đời làm báo của mình, Hồ Chí Minh sử dụng trên dưới 150 bút danh, viết nhiều tác phẩm báo chí xuất sắc với nhiều chủ đề đa dạng sinh động, văn phong độc đáo, gần gũi với mọi người. Bác là người chỉ đạo, cộng tác viên mật thiết cho các tờ báo của Đảng, đặc biệt là Báo Sự Thật – Nhân Dân hiện nay- cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. Tổng cộng Bác đã viết và đăng tổng cộng 1.205 bài trên báo Nhân Dân kể từ số đầu tiên, ngày 11-3-1951. Hồ Chí Minh còn là cộng tác viên của nhiều tờ báo trên thế giới như Thiên Tân (Tờ báo của Mỹ xuất bản tại Bắc Kinh); Báo Yi Che Pao của Triều Tiên; Nhân Đạo, Đời sống thợ thuyền, Dân chúng của Pháp; Sự thật của Liên Xô cũ v.v...

Là nhà báo vĩ đại, đồng thời Hồ Chí Minh cũng để lại cho đội ngũ các thế hệ nhà báo những bài học và kinh nghiệm quý báu từ chính cuộc đời làm báo của mình. Tháng 5-1949, trong thư gửi lớp viết báo đầu tiên Huỳnh Thúc Kháng ở Việt Bắc, Người viết “Muốn viết báo khá thì cần: 1. Gần gũi quần chúng, cứ ngồi trong phòng giấy mà viết thì không thể viết thiết thực; 2. Ít nhất cũng phải biết một thứ tiếng nước ngoài để xem báo nước ngoài mà học kinh nghiệm của người; 3. Khi viết xong bài, tự mình phải xem lại ba bốn lần, sửa chữa lại cho cẩn thận. Tốt hơn nữa, là đưa nhờ một vài người ít văn hóa xem và hỏi họ những câu nào, chữ nào không hiểu thì sửa lại cho dễ hiểu; 4. Luôn luôn gắng học hỏi, luôn luôn cầu tiến bộ...”. Tại Đại hội lần thứ II, Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 16-4-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn “...Tất cả những người làm báo (...) phải có lập trường chính trị vững chắc. Chính trị phải làm chủ. Đường lối chính trị đúng thì những việc khác mới đúng được. Cho nên các báo chí của ta phải có đường lối chính trị đúng...phải cố gắng học tập chính trị, nâng cao tư tưởng...; phải nâng cao trình độ văn hóa, phải đi sâu vào nghiệp vụ của mình”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”. Ngoài việc viết báo, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có nhiều bài viết về công việc viết báo nhằm chia sẻ kinh nghiệm với người làm báo. Nói chuyện tại Đại hội lần thứ III, Hội Nhà báo Việt Nam ngày 8-9-1962, Người nói “Kinh nghiệm của tôi là thế này: mỗi khi viết một bài báo thì đặt câu hỏi: Viết cho ai xem? Viết để làm gì? Viết thế nào cho phổ thông dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc? Khi viết xong thì nhờ anh em xem và sửa giùm”.

Với 50 năm gắn bó và hoạt động trong lĩnh vực báo chí, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta một di sản báo chí vô cùng đồ sộ, đồng thời cũng để lại một tấm gương cao đẹp về đạo đức nghề nghiệp. Người thực sự là một nhà báo vĩ đại của nền báo chí cách mạng Việt Nam.

Cuộc đời vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn gắn liền với báo chí

Là một người học trò, một cộng sự gần gũi nhất và lâu năm nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã viết:



“Hồ Chí Minh là nhà chiến lược, nhà lãnh đạo, nhà tổ chức, đồng thời là nhà văn hóa, nhà báo, nhà thơ lớn, Người đã mở đầu và góp phần quan trọng hiện đại hóa ngôn ngữ và câu văn Việt Nam. Suốt đời Hồ Chí Minh là người cầm bút chiến đấu trên mặt trận văn hóa, báo chí, với một văn phong đa dạng, nhiều sắc thái, mà điểm nổi bật là tính quân chúng, cách suy nghĩ và diễn đạt dân gian, dễ hiểu, đi sâu vang vọng trong lòng người, gợi mở những tư tưởng lớn lao, thúc đẩy những việc làm tốt đẹp, bằng những lời lẽ giản dị, giàu hình tượng, nói lên được điều lớn bằng những chữ nhỏ”.

Là những người làm báo Việt Nam, con cháu của Bác, chúng ta có thể nói một cách tự hào: Suốt cả cuộc đời vĩ đại của Bác là gắn liền với báo chí.

Một lần, phóng viên của Báo Giôvanni Giécmanétto, một tờ báo của Đảng cộng sản Ý, hỏi Bác:

- Tại sao anh lại sang châu Âu? Bác trả lời:

- Trước đây, tôi có đọc một số tờ báo Pháp, do những người lính lê dương đưa cho, một vài tờ có tính chống đối ở An – Nam. Vì thế, tôi nảy ra ý muốn sang xem “mẫu quốc” ra sao, và thế là tôi đã tới Paris.

Ở một bài báo khác, Bác cũng viết, lúc đó đọc trên báo Pháp, thấy người ta nói đến những từ đẹp để “Tự do, Bình đẳng, Bác ái” thế là mình muốn tới đó xem sao?

Như vậy là, ngay từ những ngày đầu “Tìm đường” của Bác, đã có sự tác động của báo chí. Sau này, trong hành trình qua Pháp, qua Mỹ, Anh, rồi cuối năm 1917 trở lại nước Pháp, hòa mình vào cuộc đấu tranh của nhân dân lao động và trí thức Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khởi đầu sự nghiệp cách mạng của mình bằng những hoạt động của báo chí.

Anh Nguyễn hiểu rằng, cách mạng muốn thắng lợi thì quần chúng đông đảo phải được tuyên truyền, phải được giác ngộ, phải được tập hợp. Và phương tiện tốt nhất để làm việc đó, không có gì hữu hiệu và sắc bén hơn là báo chí. Sau này, khi đã trở thành người lãnh đạo của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nói: Báo chí là tờ hịch của cách mạng!

Những ngày đầu học viết báo của Bác như thế nào, thì chúng ta đã nghe kể nhiều lần. Nhưng điều làm chúng ta ngạc nhiên, mà không phải chỉ chúng ta, nhiều bạn bè trên thế giới cũng ngạc nhiên là anh Nguyễn vừa phải kiếm sống, vừa phải học tập, vừa phải né tránh sự theo dõi, bắt bớ của kẻ thù, thế mà anh vẫn trở thành một nhà báo quốc tế lớn.

Thời kỳ ở nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết báo bằng tiếng Pháp (1919 – 1923), tiếng Anh, tiếng Nga (1929 – 1925), tiếng Trung Quốc (1927 – 1935), tiếng Thái Lan (1928 – 1929).

Nhiều tờ báo lớn như báo “Nhân Đạo” của Đảng cộng sản Pháp, “Người Thợ” của Liên đoàn Lao động Pháp, “Thư Tín Quốc Tế”, “Ngọn lửa nhỏ”, “Sự Thật” của Đảng Cộng sản Nga và nhiều tờ báo khác của phụ nữ, nông dân, thanh niên quốc tế... đều in nhiều bài của Bác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là người đã sáng lập và trực tiếp chỉ đạo, viết bài, kể cả phát hành những tờ báo cách mạng: “Người cùng khổ” (1922), “Thanh Niên” (1925), “Việt Nam Độc Lập” (1941), “Cứu Quốc” (1942), vv...

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, với 50 năm làm báo (1919 -1969) Bác Hồ đã viết hơn 2.000 bài báo với nhiều thể loại và hàng trăm bút danh khác nhau.

Trưởng đại diện văn phòng UNESCO tại Việt Nam tại Hội thảo quốc tế về Di sản Hồ Chí Minh vừa được tổ chức tại Hà Nội ngày 12 – 5 – 2010 đã phát biểu:

“Trong lĩnh vực truyền thông và thông tin, chúng ta thấy vai trò của Người trong việc phát triển báo chí. Ví dụ: như Người đã lập ra tờ báo riêng của mình, tờ Le Paria, có nghĩa là “Người cùng khổ” vào năm 1922, và sáng lập ra “Thanh niên” tờ báo cách mạng đầu tiên của Việt Nam vào năm 1925 và trở thành tổng biên tập đầu tiên của ấn phẩm này. Người cũng lập ra tờ báo “Nhân Dân” cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã đưa ra một phong cách làm báo mới ở Việt Nam, lấy dân tộc và nhân dân làm chủ đề thời sự chính... Hồ Chí Minh đã đặt nền móng cho nền báo chí cách mạng Việt Nam... Suốt đời mình, Người là một nhà báo. Người viết nhiều thể loại văn chương và báo chí: Bút ký, truyện thời sự, xã luận, thơ cùng các thể loại khác. Các bài báo của Người đi thẳng vào vấn đề và được viết một cách giản dị, rõ ràng và súc tích, rất dễ hiểu với độc giả đông đảo của Người”.

Cũng tại Hội thảo quốc tế về Di sản Hồ Chí Minh, các nhà ngôn ngữ học đều nói, Hồ Chủ tịch rất chú trọng cách viết. Người rất cẩn trọng ngay đến cách dùng một từ nhỏ, một dấu chấm câu, cách bố cục một bài viết.

Nhà báo Phan Quang kể lại, vụ chiêm 1958 nắng hạn to, nông dân huyện Tiên Lữ, Hưng Yên ra sức đào một con sông nhỏ thì Bác Hồ về thăm. Bác đi bộ rất nhanh giữa cánh đồng khô hạn, thăm hỏi bà con. Mọi người hoan hô Bác. Bác xua tay: “Đừng hoan hô Hồ Chủ tịch, hãy hoan hô nước khi nào nước về!”. Nhìn trong đám đông, thấy có một cụ già đang làm cùng con cháu, Bác đi lại nắm chặt tay cụ: “Tôi cảm ơn cụ đã làm gương cho con cháu!”

Hôm ấy, được đi theo Bác, nhà báo đã viết ngay một bài tường thuật dài đăng trên Báo Nhân Dân. Hôm sau, văn phòng Phủ Chủ tịch điện cho nhà báo đến gặp Bác. Bác đang làm việc, ngẩng lên:

- Chú Quang à, Bác đã đọc bài báo của chú. Viết thế là được. Nhưng Bác hỏi chú, trong bài mấy lần chú nhắc đi nhắc lại chuyện Hồ Chủ tịch đi bộ giữa cánh đồng. Vậy ra từ trước tới nay, Bác Hồ toàn đi xe, chưa từng lội bộ bao giờ à? Bác Hồ đi bộ thì có cái gì mà viết lăm thế?

Nhà báo bối rối, cảm ơn Bác và hứa lần sau sẽ viết cố gắng hơn.

Một lần khác, Bác đi thăm bà con nông dân gặt lúa ở ngoại thành. Hôm ấy, nữ sinh Trường Trưng Vương về lao động giúp dân. Bác vui vẻ động viên: “Các cô tiểu thư Hà Nội lao động có thành tích thì chú nhà báo này (Bác chỉ phóng viên báo Thủ đô Hà Nội) sẽ viết bài đăng lên báo để Bác khen thưởng”. Song Bác quay sang dặn thêm nhà báo: “Chú nhớ viết cho đầy đủ, không được để sót. Nhưng Bác bảo chú viết đầy đủ, chứ không phải là viết dài dàu nhé!

Bác cũng thường dặn dò các nhà báo:

“Báo chí của ta đã có một địa vị quan trọng trong dư luận thế giới. Địch rất chú ý, bạn rất quan tâm đến báo chí ta. Cho nên làm báo phải hết sức cẩn thận về hình thức, về nội dung, về cách viết”.

“Tiếng nói là thứ của cải lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp”. Và Bác là người đã có đóng góp lớn cho sự phong phú của tiếng Việt. Nhiều từ ngữ mới mà các nhà báo chúng ta đang dùng là do Bác sáng tạo ra như: Giặc đói, giặc dốt, óc bè phái, óc hẹp hòi, thói ba hoa, bệnh quan liêu, nạn tham nhũng, tệ lãng phí, chữ thập đỏ, các dân tộc anh em, các nước bầu bạn, vv...

Nhiều lần Bác nói với các nhà báo:

Trong nghề làm báo, ta có những kinh nghiệm của ta, nhưng ta cũng cần phải học thêm kinh nghiệm của các nước anh em. Muốn thế thì những người làm báo ít nhất cũng cần biết một thứ tiếng nước ngoài”.

Bác Hồ của chúng ta, trong lý lịch ở Quốc tế cộng sản Bác ghi biết 6 ngoại ngữ. Nhưng một nhà văn Mỹ nghiên cứu về Bác thì nói Bác Hồ biết thành thạo 12 ngoại ngữ.

Trong bài “Sen của loài người”, nhà thơ Chế Lan Viên đã viết:

“Cuộc đời của Bác đâu phải một cuộc đời, mà là tổng hợp nhiều cuộc đời. Người thủy thủ có lịch sử 10 năm đi biển, ngang dọc các đại dương trên thế giới. Người làm báo lỗi lạc ở những thủ đô văn hóa lớn. Nhà thơ, nhà hiền triết có cái hồn yên tĩnh, trầm mặc của những vòm trời màu mây phương Đông... Cuộc đời nào cũng đẹp, các văn phong của Người lỗi lạc nào cũng tài năng. Nhưng cuối cùng, Người đã vì ta chỉ sống có một cuộc đời: Cuộc đời lãnh đạo chúng ta làm cách mạng. Chỉ viết có một lối văn, lối văn giản dị, thuần phác. Chỉ mang một cái tên: “Bác” mà con cháu ta sẽ nhớ đến muôn đời!”.

Tâm địa thực dân – Bài báo đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc

Mùa hè năm Tân Hợi (6-1911) Nguyễn Tất Thành, dưới cái tên Văn Ba xuất dương hướng về phương Tây để tìm hiểu sự thật ẩn giấu đằng sau những từ “Tự do – Bình

đảng – Bác ái” mà Người đã từng nghe 8 năm trước đó khi còn ở quê hương xứ Nghệ, để tìm ra được con đường cách mạng phù hợp cứu nước cứu dân.

Từng đến lao động mưu sinh ở nhiều nước các châu Âu, Phi, Mỹ, cuối tháng 7-1917 Người có mặt ở Paris, thủ đô nước Pháp trước khi Cách mạng tháng 10 Nga bùng nổ (11-1917).

Trả lời phóng viên báo Mỹ và Triều Tiên về mục đích sang Pháp (1917), Nguyễn Ái Quốc đã nói: “Đến Pháp để đòi những quyền tự do mà người An Nam phải được hưởng, muốn thế phải luôn luôn tiến lên phía trước tùy theo sức của chúng tôi”.

- Những hoạt động từ khi ông đến đây?

- Ngoài việc vận động các nghị viên, tôi đã tìm cách nhen nhóm thiện cảm mỗi nơi một chút, trong đó Đảng xã hội đã tỏ ra ít thỏa mãn các biện pháp của Chính phủ, và đã sẵn lòng ủng hộ chúng tôi, ở Pháp – đó là hy vọng duy nhất của chúng tôi.

Ở nước Mỹ thì có nhiều thành công, còn chỗ khác đâu cũng chỉ gặp khó khăn.

Một trong những khó khăn Nguyễn Ái Quốc gặp phải cả ở Paris, là sự “công kích của bọn bôi bút thực dân”. Đó là báo Courier Colonial ngày 29-6-1919 kịch liệt chỉ trích bản “Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam” (do Nguyễn Ái Quốc đại diện ký tên gửi hội nghị Véc-xây) với bài báo “Giờ phút nghiêm trọng” của Ca-mi Lơ Đơ-vi-la.

Đáp lại sự công kích đó, Nguyễn Ái Quốc đã viết bài trả lời với đầu đề rất trực diện “TÂM ĐỊA THỰC DÂN”.

Với ngòi bút chính luận sắc bén, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần âm mưu xuyên tạc sự thật của báo chí thực dân, đã tâm đen tối của bè lũ thực dân Pháp đang cai trị quê hương xứ sở và nhiều nước khác trên thế giới.

Nguyễn Ái Quốc đã chia thẳng bài bút chiến vào bọn cướp nước ngay tại Paris, tố cáo dã tâm xâm lược thuộc địa và sự bóc lột dã man người lao động bản xứ. Nguyễn Ái Quốc lập luận chặt chẽ để cô lập bọn Pháp thực dân, tranh thủ lương tâm người Pháp chân chính, tiến bộ Pháp, giúp độc giả phân biệt rõ sự đối lập mâu thuẫn ngay trong nội bộ lũ thực dân, Người viết: “Chúng tôi nhấn mạnh những chữ, tên người trong lũ thực dân gian ác, các viên chức tàn bạo, vì chúng tôi biết rằng có những người thực dân chính trực, những viên chức công bằng, song họ còn lâu mới là đa số, thậm chí còn sợ rằng họ còn là một thiểu số rất nhỏ nữa”.

Qua “Tâm địa thực dân” tác giả Nguyễn Ái Quốc còn khoét sâu mâu thuẫn cá nhân giữa bọn Đơ-vi-la (tác giả bài “Giờ phút nghiêm trọng”) với Toàn quyền Pháp An-be Xa-rô ở Đông Dương khi ấy, làm cho Đơ-vi-la trở thành tâm điểm của sự phản kích của Nguyễn Ái Quốc và dư luận. Song tâm điểm Đơ-vi-la không phải là mục tiêu duy nhất, chủ yếu mà kẻ bị Nguyễn Ái Quốc công kích trong “Tâm địa thực dân” là cả chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương – “họ đang bóc lột, đày đọa người bản xứ, sống sung sướng bằng mồ hôi của dân thuộc địa, chủ nghĩa thực dân đầy dân bản xứ vĩnh viễn ngập trong cảnh nô lệ”.

Lênin coi chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản... Đảng cộng sản (B) Nga đã làm Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, chặt đứt 1 mắt xích của chủ nghĩa tư bản, lập nên chính quyền Xô Viết đầu tiên trên thế giới. Tiến tới giải phóng Tổ quốc đau thương, Nguyễn Ái Quốc đã dày công nghiên cứu chủ nghĩa thực dân, “lối rẽ” của chủ nghĩa đế quốc, coi đó là 1 con đĩa 2 vôi, “1 để hút máu nhân dân thuộc địa, 1 để hút máu công nhân, người lao động chính quốc”, Người kết luận: “Muốn đánh đổ chủ nghĩa thực dân phải “chặt đứt cả 2 vôi của

con đũa đó”. Người viết tiếp: “Ông Ca-mi Lơ Đơ-li-va – (tác giả bài: “Giờ phút nghiêm trọng”) khát khao danh hiệu người yêu chuộng chân lý trong thế giới này, và cả thế giới bên kia, sự khao khát ấy là chính đáng, chúng tôi vui lòng thừa nhận, nhưng ông cho phép chúng tôi chỉ cho ông thấy cái chân lý theo tâm địa của ông, cái chân lý theo quan niệm của bọn thực dân thù ghét dân bản xứ, không có gì là giống với chân lý theo quan niệm của người Pháp tốt ở nước Pháp cả. Sở dĩ chúng tôi nhận xét một cách lịch sự như vậy là nhằm tỏ thái độ tôn trọng quyền tự do ngôn luận”.

Qua đoạn văn viết trên “Tâm địa thực dân” cho thấy Nguyễn Ái Quốc khẳng định “Dân bản xứ” và những người Pháp tốt ở nước Pháp đều quan niệm về chân lý khác với những tên “thực dân độc ác, các viên chức tàn bạo”; điều đó chứng tỏ: chân lý đang thuộc về phái mạnh mẽ dầu chúng là thiểu số, người lao động, dân xứ thuộc địa bị áp bức chẳng có gì ngoài xiềng xích.

“Tâm địa thực dân” là bài báo mà ở đó Nguyễn Ái Quốc đã bắt đầu thể hiện sự sáng tạo học thuyết Mác – Lênin.



Những độc giả đọc bài “Tâm địa thực dân” không hề thấy sự “đấu bút” giữa Nguyễn Ái Quốc và Đơ-vi-la, vì Đơ-vi-la chỉ là một đại diện, một bồi bút của lũ thực dân, nên y không là đối thủ của Nguyễn Ái Quốc, cả An-be Xa-rô cũng thế, sự phản kích của Nguyễn Ái Quốc chính là lũ thực dân đầu sỏ độc ác, lũ viên chức tàn bạo, kẻ đã cướp đoạt quyền sống của người dân xứ thuộc địa, và nhân dân thế giới.

Do đã được đọc Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa trước khi gia nhập Đảng cộng sản Pháp nên một đoạn trong bài “Tâm địa thực dân”, Nguyễn Ái Quốc đã viết: “Nếu đã có một Đảng độc lập tồn tại thì Đảng này không phải đi ăn xin một vài quyền tự do, mà thiếu nó thì con người là một tên nô lệ khốn khổ”. Như vậy Nguyễn Ái Quốc đã hình dung về một Đảng cách mạng, hình thành tư tưởng về độc lập tự do với quan điểm rõ ràng, phải chiến đấu đến cùng để giành lại độc lập tự do, nên tại Đại hội 18 Đảng xã hội Pháp với tư cách là đại biểu Đông Dương Nguyễn Ái Quốc đã nói: “Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa, Đảng xã hội Pháp gia nhập Quốc tế III có nghĩa là Đảng đã hứa một cách cụ thể rằng: Từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa”.

“Tâm địa thực dân”, một trong các bài báo đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc, tuy là 1 bài báo trả lời công kích của tên bồi bút trung gian, nhưng nội dung là hàm chứa, thể hiện không chỉ 1 vấn đề, 1 chủ đề; cấu trúc bài báo cũng như sự vận dụng ngôn ngữ trong cấu trúc đó toát lên tư tưởng: “Phải làm một cuộc cách mạng triệt để, để giành độc lập cho Tổ quốc Việt Nam” – một quốc gia phương Đông không có tên trên bản đồ thế giới, đang bị 1 nước tư bản phương Tây đánh chiếm thống trị từ giữa thế kỷ 19 (1858 – thời Tự Đức) trùm lên che khuất.

Để chuẩn bị cho cuộc cách mạng nổ ra ngay trên Tổ quốc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã chọn phương thức vén dần tấm màn đen bằng hoạt động báo chí mà Mác, Ăng ghen và Lênin

cũng như những người cách mạng đã chọn dùng nó. Người cho rằng hoạt động báo chí phải đi vào trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động để vận động, đoàn kết họ thành 1 lực lượng cách mạng; báo chí phải là vũ khí tấn công trực diện kẻ thù, muốn làm được những việc đó, báo chí cách mạng phải nằm trong tay những người có bản lĩnh, tri thức và đạo đức cách mạng, đủ sức hướng về chân lý, các mục tiêu cao cả của lương tri, tương lai của nhân loại..., nếu không có các thứ đó, sẽ trở thành một mũi dao sát thương, thậm chí tự diệt ngay mình như Cau-xki, Trốt-xki, và ngay cả tên bồi bút Đơ-vi-la, tác giả bài “Giờ phút nghiêm trọng” mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã phê phán kịch liệt trong bài “Tâm địa thực dân” .

Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc làm chủ bút báo “Le Paria”, viết nhiều bài báo đả kích tên vua Khải Định sang viếng thăm, tri ân “mẫu quốc bảo hộ”; năm 1925 ra Báo Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc); năm 1941 ra Báo Việt Nam độc lập ngay sau khi về nước ở Cao Bằng.

Bài “Tâm địa thực dân” là bài báo đầu tiên của Người đến nay đã qua gần một thế kỷ vẫn làm cho chúng ta thấy hiện lên một cách nhất quán nội dung cách mạng triệt để và một chủ nghĩa nhân văn cao cả gắn liền với chân dung một Nhà báo Cách mạng vĩ đại.

Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – từ bài báo đầu tiên “Tâm địa thực dân” đã khai sinh ra nền báo chí cách mạng Việt Nam đến nay và mãi mãi sau này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh – nhà báo vĩ đại

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam mà tên tuổi cùng những phẩm chất cao đẹp của Người vang khắp năm Châu. Người là một nhà cách mạng lỗi lạc, nhà văn hóa lớn, một nhà báo vĩ đại. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê Nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế – xã hội, trong đó có hoạt động báo chí.



Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà báo (năm 1960) Ảnh - Tư liệu

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là người khai sinh ra nền báo chí cách mạng Việt Nam với tờ báo đầu tiên là tờ Thanh niên mà chính bản thân Người cũng là một cây bút tài ba. Người đã để lại một khối lượng tác phẩm báo chí đồ sộ, với trên 2000 bài báo thuộc nhiều thể loại như: kịch, phóng sự, bút ký... các tác phẩm của Người còn được viết bằng nhiều thứ tiếng khác nhau, đề cập đến toàn bộ các vấn đề rộng lớn của cách mạng cũng như đời sống xã hội Việt Nam.

Vốn là người am hiểu sâu sắc hoạt động báo chí, coi báo chí là một thứ vũ khí cách mạng sắc bén và đã sử dụng báo chí một cách tài tình để tuyên truyền cách mạng, để vận động nhân dân tham gia sự nghiệp cách mạng. Chính vì thế, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, người làm báo trước hết phải có tư tưởng chính trị vững vàng. Phát biểu tại Đại hội Hội nhà báo Việt Nam lần thứ II năm 1959, Người đã căn dặn: “Nhiệm vụ của người làm báo là quan trọng và vẻ vang. Muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ ấy thì phải cố gắng học tập chính trị, nâng cao tư tưởng, đứng vững trên lập trường giai cấp vô sản; phải nâng cao trình độ văn hóa, phải đi sâu vào

nghiệp vụ của mình”. Đây cũng chính là tư tưởng lớn xuyên suốt toàn bộ đường lối thông tin đại chúng của Đảng ta trong nhiều thập kỷ, mặc dù cách diễn đạt của từng văn kiện lúc này, lúc khác không giống nhau.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của người làm báo: “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”. Để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình, cán bộ báo chí cần phải tu dưỡng đạo đức cách mạng, “Cố gắng trau dồi tư tưởng, nghiệp vụ và văn hóa; chú trọng học tập chính trị để nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ; đi sâu vào thực tế, đi sâu vào quần chúng lao động”.

Cùng với lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, người làm báo phải có kiến thức sâu rộng, am hiểu thực tế. Theo tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà báo phải là người có trí thức rất rộng và rất sâu, đặc biệt là có trách nhiệm với công việc của mình, với sản phẩm của mình, với mọi hiệu quả, hệ quả của sản phẩm đó. Trong thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi lớp viết báo đầu tiên Huỳnh Thúc Kháng, Người đã chỉ ra rằng: “Muốn viết báo khá thì cần: Gắn gũi dân chúng, cứ ngồi trong phòng giấy mà viết thì không thể viết thiết thực; ít nhất cũng phải biết một thứ tiếng nước ngoài để xem báo nước ngoài mà học kinh nghiệm của người; Khi viết xong một bài, tự mình phải xem lại ba bốn lần, sửa chữa lại cho cẩn thận. Tốt hơn nữa, là đưa nhờ một vài người ít văn hóa xem và hỏi họ những câu nào, chữ nào không hiểu thì sửa lại cho dễ hiểu; Luôn luôn gắng học hỏi, luôn luôn cầu tiến bộ...”.

Người có nhiều bài nói về công việc viết báo, chia sẻ kinh nghiệm viết báo với đồng nghiệp hoặc cán bộ cấp dưới. Trong bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ III của Hội Nhà báo Việt Nam ngày 8-9-1962, Bác nói: “Kinh nghiệm của tôi là thế này: Mỗi khi viết một bài báo, thì đặt câu hỏi: Viết cho ai xem? Viết để làm gì? Viết thế nào cho phổ thông dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc? Khi viết xong, thì nhờ anh em xem và sửa giùm.”

Với Chủ tịch Minh, mỗi khi đặt bút viết, Người luôn xác định: viết cái gì? (nội dung),Viết cho ai? (đối tượng),Viết để làm gì? (mục đích), Viết thế nào? (hình thức)

Những kinh nghiệm làm báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành những nguyên tắc cơ bản không thể thiếu đối với những người cầm bút. Đây chính là những bài học vô cùng quý báu mà Người đã để lại cho các nhà báo, nhất là đối với những người mới chập chững bước vào nghề. Bởi lẽ, trước khi viết nhà báo cần xác định được đối tượng của báo chí thì đề từ đó viết có nội dung, mục đích cũng như hình thức viết sao cho rõ ràng và đạt hiệu quả.

Ngoài những nguyên tắc trên, thông tin trong tác phẩm báo chí phải chân thực, chính xác. Tính chân thật luôn được xem là đạo đức của người làm báo cách mạng. Vì thế, báo chí cách mạng Việt Nam là tiếng nói của Đảng và là diễn đàn của nhân dân. Báo chí đã phản ánh những ý kiến xây dựng của nhân dân, nói lên tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của dân đối với công cuộc xây dựng đất nước. Đồng thời báo chí cũng quyết liệt chống nạn tham nhũng, buôn lậu; chống lại tội ác và các tệ nạn xã hội; chống lại những biểu hiện tha hóa, sa sút về phẩm chất, đạo đức và lối sống. Với việc làm đó, báo chí đã đem đến cho công chúng niềm tin ở sự thật, tin ở sự nghiêm minh của pháp luật, đặc biệt tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin vào truyền thống cách mạng và nhân văn của nhân dân ta.

Theo chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà báo khi viết phải “chân thực” – chân thực là sức mạnh vì nó có lòng tin. Mỗi bài viết của phóng viên phải bắt nguồn từ thực tế cuộc sống với những con số, những sự kiện đã được xem xét kiểm tra, chọn lọc. Bài viết phải đem lại cho người đọc

lượng thông tin cao và chính xác. Viết phải đúng sự thật, không được bịa ra, không nêu nói ầu, chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói, chớ viết”.

Cùng với những nguyên tắc trên, theo tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh, bài báo phải có bố cục “ngắn gọn”; ngôn ngữ “trong sáng, giản dị, dễ hiểu” Theo Người ngắn gọn không có nghĩa là cộc lốc mà ngắn gọn là gọn gàng, rõ ràng, có đầu, có đuôi, có nội dung thiết thực, thấm thía, chắc chắn. Còn muốn viết được trong sáng, giản dị, dễ hiểu, trước hết nhà báo phải học cách nói của quần chúng. Phải thực sự học quần chúng để có cách viết được quần chúng chấp nhận như những gì của chính họ. Sự trong sáng, giản dị, dễ hiểu là bắt nguồn từ sự hiểu biết thấu đáo, bản chất của sự vật, từ sự gắn bó với truyền thống dân tộc trong cách cảm, nếp nghĩ.

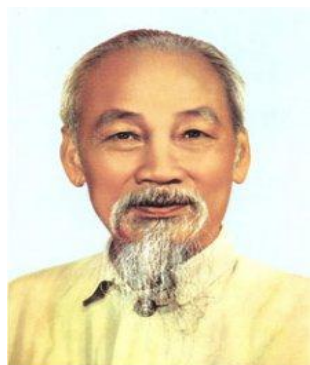
Chủ tịch Hồ Chí Minh không những am hiểu ngôn từ của nhiều dân tộc mà còn là bậc thầy về sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt. Người đề cao và khẳng định: “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp. Của mình có mà không dùng, lại đi mượn của nước ngoài, đó chẳng phải là đầu óc quen ỷ lại hay sao?”.

Hiện nay, trên cả nước có khoảng 620 cơ quan báo chí, 1 hãng thông tấn, 1 đài phát thanh, 1 đài truyền hình quốc gia... Báo chí đã tích cực tuyên truyền, cổ vũ phong trào thi đua, lao động sản xuất, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội, động viên đồng bào cả nước vượt qua khó khăn, thử thách, khắc phục hậu quả nặng nề của thiên tai, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Có thể thấy, sau 85 năm hình thành và phát triển, ở nước ta đã hình thành một hệ thống báo chí hoàn chỉnh với các loại hình báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử, đảm nhiệm chức năng vừa là cơ quan ngôn luận của tổ chức Đảng, Nhà nước, các tổ chức xã hội, vừa là diễn đàn của nhân dân.

Nhân kỷ niệm 85 năm ngày Báo chí cách mạng Việt Nam, các thế hệ những người làm báo không thể không nhớ tới Chủ tịch Hồ Chí Minh – người đã khai sinh ra nền Báo chí cách mạng Việt Nam, người thầy của các thế hệ nhà báo Việt Nam. Tư tưởng cùng những lời dạy của Người về báo chí mãi còn nguyên giá trị và đặc biệt đối với thế hệ những người cầm bút hôm nay và mai sau càng có ý nghĩa hơn bao giờ hết trong việc dùng ngòi bút của mình đấu tranh cho sự tiến bộ, công bằng và dân chủ của nhân dân.

Bác Hồ với các nhà báo nước ngoài



Trên con đường đi tìm độc lập, tự do cho Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu một cách sâu sắc báo chí là một vũ khí sắc bén của cách mạng. Báo chí như V.I.Lênin khẳng định, là người tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể, tổ chức tập thể. Ngay từ những ngày đầu hoạt động, Bác Hồ đã viết báo để phục vụ cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng của mình.

Đầu tiên Bác viết báo bằng tiếng Pháp cho những tờ “Đời sống thợ thuyền”, “Nhân loại” và những tờ báo cánh tả khác ở Pháp. Trong khi cộng tác với các báo cánh tả, Bác nhận thấy là người Pháp biết quá ít,

cũng có thể nói là nhiều người chẳng biết gì về Việt Nam. Bác muốn viết nhiều những bài báo nói về tình hình của xứ Đông Dương thuộc địa, về bọn thực dân tàn ác đã mang đến cho người dân Đông Dương nhiều đau khổ. Mỗi bài báo của Bác như mũi tên, hòn đạn làm náo động dư luận Pháp và có ảnh hưởng lớn trong các nước thuộc địa.

Đối với các nhà báo nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn là một người bạn lớn. Những nhà báo quốc tế khi đến Việt Nam đều mong muốn được gặp Người.

Trong Chiến khu Việt Bắc, trước ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, nhà báo Ô-xtrây-li-a Uyn-phrết Bóc-sét đã gặp Bác Hồ. Ông viết: “Đường như không thể tin được, nhưng thực sự chẳng có gì đáng nghi ngờ. Con người mảnh khảnh với chòm râu dài từ trong cánh rừng bước ra, gậy cầm tay, áo vắt vai, không phải ai khác mà chính là Cụ Hồ Chí Minh truyền thuyết. Được người Pháp đưa tin đã chết đến vài chục lần. Cụ vẫn ở đó tay dang rộng, mảnh dẻ, nhưng không thể nào nhầm được. Không thể nào quên được buổi gặp gỡ đầu tiên đó, với vẻ ấm cúng và thông minh trong đôi mắt nâu thẫm của Người. Đầu tiên, Cụ Hồ Chí Minh ân cần hỏi thăm về sức khoẻ của tôi.

Trên đường đến Việt Nam, tôi nghe đài sóng ngắn và thấy rằng phần nhiều tin từ Hà Nội bị Pháp chiếm đóng, đều nói về một địa điểm gọi là Điện Biên Phủ. Người Pháp đã chiếm được địa điểm này, làm một căn cứ để tấn công Việt Minh từ phía sau và để quét sạch các sở chỉ huy của họ. Câu hỏi đầu tiên của tôi là điều gì đang xảy ra ở Điện Biên Phủ?

Cụ Hồ lật ngửa chiếc mũ lưỡi trai che nắng của Người xuống bàn, đưa mấy ngón tay mảnh khảnh vòng quanh vành mũ và nói: “Đây là rừng núi, nơi có các lực lượng của chúng tôi. Dưới kia là thung lũng Điện Biên Phủ, ở đó là người Pháp với những đội quân tinh nhuệ nhất. Họ sẽ không bao giờ ra được – tuy có thể mất một ít thời gian”.

- Một Xta-lin-grát ở Đông Dương?

- Trên một phạm vi khiêm tốn, vâng, hơi giống Xta-lin-grát!”.

Và sau vài lần gặp gỡ, Bóc-sét viết: “Như tôi đã phát hiện trong nhiều cuộc gặp về sau, nét điển hình ở Cụ Hồ Chí Minh là chỉ với một vài từ, hoặc một vài hình ảnh, Cụ có thể trình bày được những vấn đề rất phức tạp! Hình ảnh những quân tinh nhuệ nhất của đội quân viễn chinh Pháp bị nhốt vào đáy mũ lưỡi trai của Cụ, sẽ là một cuộc chiến đấu lịch sử Điện Biên Phủ khi lên đến đỉnh cao”.

Chúng ta biết, Uyn-phrết Bóc-sét là một nhà báo nổi tiếng. Ông đã đem hết nhiệt tình của một nhà báo để ủng hộ những cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Bóc-sét là nhà báo nước ngoài đã có mặt ở Hà Nội trong những ngày giải phóng Thủ đô 1954. Ông cũng là tác giả của cuốn sách “Phía bắc vĩ tuyến 17” được xuất bản ở nhiều nước. Trên bìa cuốn sách được in bằng tiếng Anh này, Bóc-sét đã ghi: “Tác giả bày tỏ niềm tin rằng không có sức mạnh nào có thể ngăn cản được nhân dân Việt Nam bắt tay với nhau qua hàng rào giả tạo đó để quét sạch nó!”.

Trong cuốn Hồi ký của mình, Bóc-sét viết: “Tôi đến Hải Phòng để theo dõi việc lá cờ Pháp bị hạ xuống lần đầu tiên ở phía Bắc vĩ tuyến 17 và việc các quan chức quân sự và hành chính cuối cùng xuống tàu chiến đi Sài Gòn. Vét-xa đánh dấu sự kiện lịch sử này, bằng việc cho Gioóc-giơ chào đời ở một bệnh viện Hà Nội” (Vét-xa là vợ của Bóc-sét, cùng đến Việt Nam trong thời gian đó và sinh con trai ở Hà Nội).

Năm 1957, Bác Hồ sang thăm Mát-xcơ-va. Lúc đó Béc-sét và Vét-xa cũng có mặt ở đó và cả hai cùng ra đón Bác. Sau này Béc-sét đã kể lại một kỷ niệm lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho vợ chồng ông: “Một phần thưởng mà chúng tôi sớm nhận được để bù lại nỗi nhớ nhung Việt Nam là chỉ sau vài tuần chúng tôi đến Mát-xcơ-va, Cụ Hồ Chí Minh đã đến thăm chính thức Liên Xô. Nghi lễ đón tiếp có 21 phát súng đại bác, quốc ca hai nước, diễu hành của đội danh dự, giới thiệu với đoàn ngoại giao, rồi đến đoàn báo chí. Cụ Hồ đã trông thấy chúng tôi đứng ở hàng thứ ba trong giới báo chí. Trước sự lo sợ của nhân viên an ninh, lễ tân và trước cả sự ngạc nhiên của đoàn ngoại giao, Cụ Hồ đã rời hàng danh dự của những người đứng đón chào Cụ và bước đến chỗ chúng tôi, đặt bó hoa lớn mà Cụ vừa nhận được khi bước xuống máy bay vào tay của Vét-xa. Những thành viên khác của phái đoàn cũng làm giống như vậy, chuyển các bó hoa của họ cho chúng tôi và ôm hôn chúng tôi trước sự ngạc nhiên của các nhân viên an ninh và lễ tân.

Tính giản dị và quan hệ trước sau như một với bạn cũ của Cụ Hồ Chí Minh luôn luôn đứng trên mọi thứ nghi lễ ngoại giao. Một vài ngày sau, sau vài lần gọi giây nói, một xe hòm đen lớn chở chúng tôi đến một biệt thự đã từng là nơi ở của Xtalin trong khu rừng ngoại ô Mát-xcơ-va. Và ở đó, chúng tôi ăn cơm sáng với Cụ Hồ Chí Minh. Đó là một toà nhà gạch khá đơn giản, một số tường của nó có thể dễ dàng ngã xuống khi người ta bấm vào một cái nút để cho những người bảo vệ có thể chạy ra ngoài, đối phó với những kẻ xâm nhập. Bác Hồ kể cho chúng tôi nghe về những phát triển ở Việt Nam kể từ lúc chúng tôi ra đi. Bữa cơm sáng chỉ là sự nối lại của một tình bạn thân thiết và nói lên tình cảm thân ái của Cụ Hồ Chí Minh”. Và Béc-sét đã ghi lại một sự kiện nữa: “Những biểu hiện chú ý đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh hầu như chắc chắn đã giúp chúng tôi giải quyết được một trong những khó khăn lớn. Việc cung cấp nhà ở cho những nhà ngoại giao và nhà báo là do cơ quan phục vụ ngoại giao đoàn phụ trách và cho đến trước khi có cuộc đi thăm của Bác Hồ, mỗi lần tôi hỏi về nhà cửa thì chỉ được đáp bằng những cái nhìn lạnh lẽo. Nhưng sau đó, thỉnh linh tôi được cấp chỗ ở tại khu Vi-xốt-ni Đôm, một khu nhà đẹp nhìn xuống sông Mát-xcơ-va, cách nửa dặm về phía Crem-li. Cùng ở với chúng tôi trong ngôi nhà đó là những nhân vật nổi tiếng như nữ diễn viên ba-lê Ga-li-na U-la-nô-va và nhà viết xã luận A-lếch-xăng-đrơ Tva-đốp-xki. Người ta nói rằng trước kia chính Xtalin trực tiếp duyệt danh sách những người được ở ngôi nhà này”.

Một nhà báo Chi-lê viết: Trong cách đối xử với chúng tôi, Người thân ái một cách đặc biệt, nhất là khi Người nói với chúng tôi bằng tiếng Tây-ban-nha. Người đã từng đến châu Mỹ Latinh, làm phụ bếp trên những chiếc tàu buôn. Con người từng bôn ba ở nước ngoài, từng kiếm sống bằng nghề nấu bếp bình thường ấy đứng trước chúng tôi giản dị thế, mặc dù Người có sức hút khổng lồ trên thế giới. Hình như nhà báo nào đã có vinh dự gặp Bác, đều ghi lại những ấn tượng đặc biệt!

Một trong những niềm yêu thích của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đọc sách báo. Trong phòng làm việc của Người luôn có các tờ báo xuất bản ở trong nước và cả báo chí nước ngoài nữa. Người đọc kỹ, ghi những nhận xét vào bên cạnh những bài báo mà Người quan tâm. Nhiều đêm khuya, công việc xong. Người ngả lưng trên giường, mở chiếc đài nhỏ nghe những buổi phát thanh trong và ngoài nước và Người nói: Tôi muốn nghe tiếng nói của nhân loại! Trong Phủ Chủ tịch, phía sau có một khoảng đất rộng chừng 100 mét vuông, trải sỏi. Bao quanh phía ngoài là một giàn hoa hình bán nguyệt. Giàn hoa rực rỡ màu đỏ tím của hoa, màu xanh của lá, hoà nhập với cảnh quan của khu vườn nổi tiếng. Chính ở nơi đây, với bộ bàn ghế giản dị, Bác Hồ đã tiếp và trả lời phỏng vấn của nhiều nhà báo nước ngoài. Sau này, nhiều người trở lại Việt Nam đứng dưới giàn hoa này đã xúc động nói: Chúng tôi rất nhớ Chủ tịch

Hồ Chí Minh. Người rất hiểu chúng tôi. Người là người anh, người bạn và cũng là Bác Hồ của chúng tôi! Năm 1946, trong dịp Bác Hồ sang thăm Pháp, bà Ăng-đrê Vi-ô-lit, tác giả cuốn Đông Dương kêu cứu đã giới thiệu với Người, một cô gái trẻ 18 tuổi, một nhà báo mới vào nghề, đang tập sự ở toà soạn báo Se Soir (Chiều nay). Hồ Chủ tịch vui vẻ đến gần, Người nói một cách trìu mến bằng tiếng Pháp: Con gái của tôi! Đó chính là Ma-đơ-len Ri-phô! Tuy còn trẻ nhưng cô gái xinh đẹp và dũng cảm này đã từng là một chiến sĩ chống phát-xít. Bác Hồ ân cần nói với cô: Làm báo là một nghề chân chính!

Sau này, Ri-phô đã nhiều lần sang Việt Nam. Nhiều bài báo của chị nói về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đã được in trên báo Nhân đạo, giúp nhân dân Pháp hiểu rõ cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc ta.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, trong một cuộc tiếp xúc với các nhà báo ở Phủ Chủ tịch tại Hà Nội, Bác Hồ đã chủ động đến bên cạnh Ma-đơ-len Ri-phô, Người nói một cách vui vẻ:

- Ô kia các vị hãy nhìn cô gái nhỏ nhắn này! Cô ấy không còn nhận ra tôi nữa chắc?

- Ma-đơ-len Ri-phô xúc động, nói:

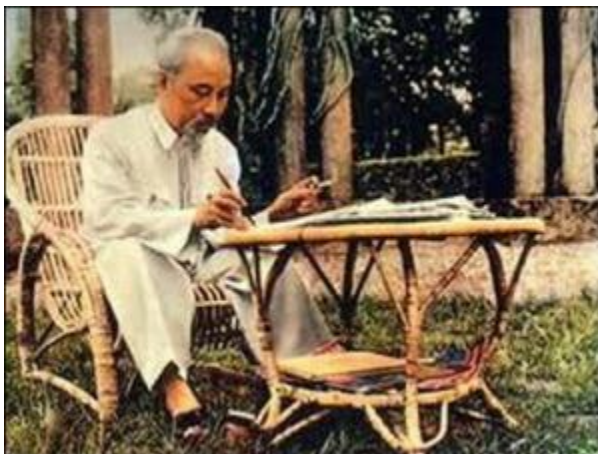
- Thưa Bác, không, con gái của Người vẫn nhận ra Người đấy chứ! Nhưng con thật không ngờ Người vẫn nhớ đến con!

Khi nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Ma-đơ-len Ri-phô lại sang Việt Nam. Chị đã cùng nhà báo Bóc-sét vượt Trường Sơn vào vùng giải phóng miền Nam Việt Nam. Ri-phô cũng mặc quần áo bà ba đen, đội mũ tai bèo, đi dép lốp cao su và khăn rằn trên vai như những cô gái du kích miền Nam.

Chị đã viết những cuốn phóng sự nổi tiếng: Trong căn cứ Việt Cộng và ở miền Bắc Việt Nam viết dưới bom đạn và chị đã gửi tặng Bác Hồ cả hai cuốn sách đó, với lời đề tặng:

Kính tặng Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự biết ơn sâu sắc và tất cả tấm lòng yêu mến của con đối với Người, với Đảng, với Nhân dân của Người, đang chiến đấu và chiến thắng những tên phát-xít mới!

Người làm báo Việt Nam học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh



Hàng năm, vào dịp kỷ niệm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam (21-6), mỗi người làm báo cách mạng chúng ta lại suy ngẫm, chiêm nghiệm và tự hào vì đã có phần đóng góp xứng đáng trong sự nghiệp báo chí của Đảng, của dân tộc do Chủ tịch Hồ Chí Minh dày công chăm sóc. Năm nay, chúng ta kỷ niệm 82 năm Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam đúng vào thời điểm toàn Đảng, toàn dân đang triển khai cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Đây chính là thời điểm thuận lợi để chúng ta noi

theo tấm gương đạo đức của Bác, thực hiện có hiệu quả 9 điều “Quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam”.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức là cái gốc của người cách mạng. Trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc, tháng 10-1947, Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”. Từ quan điểm trên của Người, đạo đức nghề nghiệp được hiểu là phẩm chất tốt đẹp nhất, là gốc của các vấn đề trong cuộc sống, là nền tảng hình thành pháp luật, là phương tiện điều chỉnh các mối quan hệ xã hội của người làm báo Việt Nam mà phạm trù pháp luật không điều chỉnh được. Thực hiện đúng quy định đạo đức nghề nghiệp, người làm báo Việt Nam sẽ tránh được những biểu hiện tiêu cực trong cơ chế thị trường, giữ vững lòng tin của nhân dân, của xã hội đối với lực lượng báo chí cách mạng nói chung và đối với mỗi người làm báo nói riêng.

Vấn đề hàng đầu Bác đòi hỏi các nhà báo là phải có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức tốt đẹp. Trong thư gửi anh em văn hoá và trí thức Nam bộ ngày 25-5-1947, Người viết: “Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính, trừ tà”. Để thực hiện sự nghiệp “Phò chính, trừ tà”, người làm báo phải tuyệt đối trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; luôn gắn bó với nhân dân, hết lòng phục vụ nhân dân; hành nghề trung thực, khách quan, tôn trọng sự thật; sống lành mạnh, trong sáng, không lợi dụng nghề nghiệp để vụ lợi và làm trái pháp luật; gương mẫu chấp hành pháp luật, làm tròn nghĩa vụ công dân, làm tốt trách nhiệm xã hội; bảo vệ bí mật quốc gia, giữ bí mật cho người cung cấp thông tin; tôn trọng, đoàn kết, hợp tác giúp đỡ đồng nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp; thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, nghiệp vụ, khiêm tốn cầu tiến bộ; giữ gìn và phát huy văn hoá dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc các nền văn hoá khác.

Trung thành với Đảng, với nhân dân là phẩm chất cao quý nhất của người làm báo cách mạng. Lòng trung thành hướng mọi hoạt động của người làm báo tới việc đảm bảo lợi ích của Đảng, của nhân dân, của chế độ. Nó giúp mỗi người làm báo lựa chọn phạm vi hoạt động, phương thức hành nghề, đối tượng phản ánh, tuyên truyền; xác lập phong cách, lập trường, quan điểm, tích lũy vốn sống. Lòng trung thành khiến chúng ta không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, trau dồi đạo đức nghề nghiệp để có đủ điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiệu quả nhất vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Người làm báo phải luôn gắn bó với nhân dân, hết lòng phục vụ nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân làm chủ, tức là người làm báo từ cấp trên đến cấp dưới đều là đây tớ của nhân dân, đều phải một lòng, một dạ phục vụ nhân dân. Người làm báo càng phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và trước quần chúng, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; yêu kính nhân dân; tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân; nắm vững quan điểm của Đảng, đi đúng đường lối quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảng ta là đảng lãnh đạo cách mạng. Báo chí là công cụ lãnh đạo của Đảng, ngoài lợi ích của nhân dân, người làm báo cách mạng không có lợi ích nào khác. Vì vậy, người làm báo phải một lòng, một dạ phục vụ nhân dân. Tại Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà báo Việt Nam, ngày 16-4-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Báo chí ta không phải để cho một số ít người xem, mà để phục vụ nhân dân,

để tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, cho nên phải có tính chất quần chúng và tinh thần chiến đấu”.

Là một nhà báo lớn, Người ý thức rất rõ ràng về nhiệm vụ tuyên truyền của báo chí, đồng thời, Người khẳng định, tuyên truyền phải đảm bảo tính chân thực. Khi nêu gương người tốt, việc tốt phải: “Viết giản dị thô thiển và phải đúng sự thật, không được bịa ra”. Mặt khác, “Không nên chỉ viết cái tốt mà giấu cái xấu. Nhưng phê bình phải đúng đắn. Nêu cái hay, cái tốt, thì phải có chừng mực, chớ phóng đại. Có thể nào nói thế ấy... Phê bình thì phải phê bình một cách thật thà, chân thành, đúng đắn; chứ không phải để địch lợi dụng để nó phản tuyên truyền”.

Người làm báo phải sống lành mạnh, trong sáng, không được lợi dụng nghề nghiệp để vụ lợi và làm trái pháp luật. Vấn đề này liên quan đến đạo đức, lối sống và khả năng rèn luyện, tu dưỡng của người làm báo. Đạo đức, lối sống của người làm báo không có gì khác đối với mọi cán bộ, đảng viên, đó là “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”, mỗi cán bộ, phóng viên, biên tập viên mỗi ngày phải tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt. Được như thế thì trong cơ quan báo chí sẽ không có người vi phạm đạo đức và vi phạm pháp luật; đồng thời môi trường báo chí cũng trở nên trong sạch hơn. Phải đổi mới cách nghĩ, cách làm việc. Phải kiên quyết chống tham nhũng, tiêu cực từ trong cơ quan đến ngoài xã hội. Làm việc gì cũng phải công khai, nhất là về việc chọn lựa tin bài, về tài chính, về thu nhập. Không công khai, không rõ ràng khiến cho người ta tưởng có cái gì đó không bình thường nên nghi ngờ và dẫn đến mất đoàn kết. Phải lấy đoàn kết làm trọng. Nhưng đoàn kết không phải là dĩ hoà vi quý, thủ tiêu đấu tranh. Phải dựa vào quy chế cơ quan và pháp luật của Nhà nước. Nếu thấy đồng chí mình có việc gì chưa rõ, trước hết phải tìm hiểu, nếu đồng chí đó không chịu trả lời hay không chịu làm rõ, lúc đó mới dùng đến tổ chức và các biện pháp mang tính định chế để yêu cầu đồng chí mình trả lời một cách tường tận, làm rõ. Khi tìm hiểu phải thiện chí, đừng vội quy chụp, như vậy mới đảm bảo yêu cầu đoàn kết. Phải biết tôn trọng đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên và những người tham gia tạo nên sản phẩm. Việc giải quyết lương, thù lao, nhuận bút không phải là sự ban ơn mà chính là sự cảm ơn của người được Nhà nước giao quyền là chủ sử dụng lao động đối với người lao động. Phải khẩn trương tạo nguồn kinh phí để chi trả lương, thù lao, nhuận bút cho người lao động. Làm cho tờ báo ngày càng hấp dẫn và hay, chiếm được tình cảm của bạn đọc trong cả nước, đồng thời với củng cố, phát triển cơ quan, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đội ngũ cán bộ, phóng viên, cộng tác viên, công nhân viên là nhiệm vụ thường xuyên của mọi thành viên trong cơ quan báo.

Người làm báo phải gương mẫu chấp hành pháp luật, làm tròn nghĩa vụ công dân, làm tốt trách nhiệm xã hội; bảo vệ bí mật quốc gia, nguồn tin và giữ bí mật cho người cung cấp thông tin; tôn trọng, đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ đồng nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp; thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chính trị, văn hoá, nghiệp vụ, khiêm tốn, cầu tiến bộ; giữ gìn và phát huy văn hoá dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa các nền văn hoá khác. Người làm báo có lợi thế là được Đảng, Nhà nước và nhân dân luôn quan tâm, giúp đỡ, tạo hành lang pháp lý để hành nghề một cách có hiệu quả nhất. Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay, phải không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng nội dung và hình thức sản phẩm báo chí đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Cả tập thể vươn lên. Từng thành viên vươn lên, coi sự đoàn kết là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới phải thường xuyên, cụ thể, chặt chẽ, thông tin kịp thời. Mỗi tổ chức Hội Nhà

báo phải thật sự phát huy vai trò là tổ chức chính trị – xã hội – nghề nghiệp – mái nhà chung của những người làm báo Việt Nam.

Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, 82 năm qua, các thế hệ nhà báo cách mạng Việt Nam luôn đi đầu trong việc định hướng tư tưởng, chuyển tải quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng đến với quần chúng, tập hợp, giác ngộ quần chúng, xây dựng lực lượng, tiến hành thành công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, đưa đất nước đi lên theo con đường XHCN. Báo chí cách mạng Việt Nam và những người làm báo cách mạng Việt Nam trước sau luôn kiên định lòng trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng và của dân tộc. Cội nguồn sức mạnh của báo chí cách mạng Việt Nam là sự tiếp nối và nhân lên truyền thống dân tộc Việt Nam anh hùng, nghìn năm văn hiến, kết hợp với những giá trị tiên tiến của thời đại được biểu hiện thành giá trị đạo đức Hồ Chí Minh. Kế thừa truyền thống vẻ vang của các thế hệ nhà báo cha anh, hơn 16.000 nhà báo Việt Nam hôm nay càng thêm vững vàng hơn trong công tác tuyên truyền nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; phát huy sức mạnh toàn dân tộc; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng chậm phát triển. Dù làm việc ở bất cứ cơ quan báo chí nào, những người làm báo cách mạng Việt Nam cũng tiếp tục phấn đấu để có những tác phẩm có giá trị, hấp dẫn, đảm bảo đúng tôn chỉ, mục đích, định hướng, trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân, chiếm được cảm tình của đông đảo công chúng.

Học làm báo với Bác Hồ



Những tranh châm biếm in trên báo Người cùng khổ do Nguyễn Ái Quốc vẽ. Người vạch trần luận điệu của bọn thực dân Pháp tự xưng là "Khai hóa chính nghĩa" và "Giàu lòng bác ái".
Thời kỳ: 1920 - 1924

Không chỉ là một nhà cách mạng kiệt xuất, suốt cả cuộc đời, Bác đã là một nhà báo, là người sáng lập nền báo chí cách mạng Việt Nam...

Với 150 bút danh, Bác là tác giả hàng ngàn bài báo. Phong cách viết báo của Bác là một tấm gương sáng ngời tư tưởng và bản chất cách mạng của giai cấp công nhân: dùng báo chí làm vũ khí đấu tranh cách mạng; viết báo là để tuyên truyền, vận động cách mạng; viết báo cho quảng đại quần chúng cùng đọc, văn phong giản dị, chính xác, trong sáng...

Buổi đầu đi tìm đường cứu nước, khi hoạt động tại Pháp, Bác là người sáng lập báo *Le Paria* (Người cùng khổ). Vừa là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, vừa là cây bút chính của tờ báo, Bác đã viết nhiều bài lên án chủ nghĩa thực dân, hô hào, hướng dẫn nhân dân các nước thuộc địa cùng nhau đoàn kết đứng lên giải phóng dân tộc.

Sáng lập báo *Thanh niên* (21-6-1925) xuất bản tại Quảng Châu, Trung Quốc đưa về nước, Bác hướng tôn chỉ mục đích của tờ báo vào nhiệm vụ tuyên truyền, giác ngộ, vận động các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ thanh niên phải đoàn kết đứng lên cứu nước, cứu nhà, tự đem sức ta mà giải phóng cho ta.

Thời gian làm Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, Bác viết báo biểu dương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, cổ vũ các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua kháng chiến, kiến quốc, xây dựng con người mới, bài trừ thói hư, tật xấu...

Bác dạy chúng ta viết báo là để cho nhân dân đọc, trong đó công nông chiếm đa số, trình độ học vấn chưa cao, nên bài viết phải ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu; không nên viết theo lối “bác học”, sinh dùng chữ nghĩa cầu kỳ, sáo rỗng, vay mượn, lạm dụng từ ngữ nước ngoài...

Trong một chuyến về thăm bà con nông dân ngoại thành Hà Nội đang vào mùa gặt rộ, đồng đảo nữ sinh trường Trưng Vương về lao động giúp dân, Bác động viên các học sinh: “Các cô tiểu thư Hà Nội lao động có thành tích thì chú nhà báo này (Bác chỉ phóng viên báo *Thủ Đô*) sẽ viết tin đăng lên báo của thành phố, Bác đọc báo, sẽ khen thưởng các tiểu thư”. Bác quay sang dặn nhà báo: “Chú viết đầy đủ, không được để sót. Bác bảo chú viết đầy đủ, chứ không phải viết dài. Bài viết dài thì ai cũng ngán đọc”.

Năm 1948, trong dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám, Bác đến thăm nhà máy cơ khí Hà Nội, dừng lại chăm chú xem tờ báo tường của cán bộ, công nhân nhà máy. Bác chỉ tay vào bài báo nhan đề “Ngày mai trời lại sáng” và hỏi một người đứng gần: “Thành phố giải phóng đã mấy năm rồi?”. Có người thưa rằng đã gần bốn năm, Bác liền nói: “Thế thì bài báo này viết không đúng. Trời đã sáng lâu rồi, sao lại phải đến ngày mai. Vậy hiện giờ là đêm tối à?”.

Một lần khác, Bác đến thăm khu triển lãm Vân Hồ, dừng lại xem ảnh tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hà Nội qua cầu Long Biên trên báo *Thủ Đô*, Bác hỏi bác sĩ Trần Duy Hưng, Chủ tịch thành phố: “Ảnh này tốt. Nhưng sao lại không để tên người chụp?”. Bác nói thêm: “Báo chí, nhất là báo hàng ngày phải có nhiều ảnh tư liệu để khi cần là có thể dùng ngay. Đăng ảnh phải đề rõ tên người chụp hoặc ghi là lấy ở đâu”...

Một lần dự họp Quốc hội, nghe Chính phủ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước, nêu những con số tăng phân trăm “so với trước”, Bác mỉm cười hỏi một cán bộ lãnh đạo ngồi cạnh: “Chẳng so với trước thì so với sau à?”. Bài học về những thời điểm cụ thể, không chung chung trong báo chí được Bác truyền thụ như thế.

Nêu cao trách nhiệm xã hội về bài báo mình viết, khi nào Bác cũng rất cẩn trọng, dẫn đo suy nghĩ từng nội dung, từng ý tứ, từng câu chữ sao cho quần chúng nhân dân hiểu và quan tâm đọc. Những ngày đầu viết báo, muốn có một bài báo tốt, Bác phải sửa đi, sửa lại nhiều lần, lúc đầu viết dài, sau ngắn dần, rút ngắn đến mức tối đa, nhưng vẫn bảo đảm đầy đủ những nội dung quan trọng, cần thiết, thể hiện bằng văn phong ngắn gọn, trong sáng, dễ hiểu, dễ nhớ. Đã thành thói quen, kể cả lúc làm Chủ tịch nước, viết xong một bài báo, Bác thường đem đọc cho những người xung quanh kể cả nhân viên phục vụ nghe, góp ý kiến; thấy chỗ nào có người không hiểu hoặc hiểu chưa đúng thì Bác sửa ngay.

Năm 1949, Tổng bộ Việt Minh mở lớp học viết báo cách mạng đầu tiên ở nước ta mang tên Lớp Báo chí Huỳnh Thúc Kháng. Trong thư gửi lớp học, Bác viết: “*Có thể ví dụ rằng, ba tháng nay, các bạn đã học cửu chương. Còn muốn giỏi các phép tính, thì cần phải học nữa, phải học mãi. Học ở đâu, học với ai? Học trong xã hội, học nơi công tác thực tế, học ở quần chúng. Nếu các bạn viết báo mà quần chúng hiểu, quần chúng ham đọc, quần chúng khen hay, thế là các bạn tiến bộ. Trái lại, là các bạn chưa thành công*”.

Bác ân cần căn dặn: “Muốn viết báo thì cần: gần gũi quần chúng, ít nhất phải biết một thứ tiếng nước ngoài, luôn luôn gắng học tập, luôn luôn cầu tiến bộ...”.

Nói và viết với phong cách Bác Hồ



Cứ mỗi lần đến ngày kỷ niệm báo chí cách mạng Việt Nam, tất cả những người làm báo, những người đọc báo, quan tâm đến báo chí Việt Nam đều nhớ đến một con người, một cái tên – vĩ đại mà thân quen – Hồ Chí Minh – người đã khai sinh ra nền báo chí cách mạng Việt Nam. Cho đến hôm nay, chúng ta vẫn có thể học tập từ nhiều điều từ sự nghiệp làm báo – làm cách mạng của Bác; vẫn còn cảm nhận được hơi ấm của tình người và ánh sáng của những tinh hoa văn hoá toả ra từ khối lượng đồ sộ những tác phẩm, bài nói, bài viết của Người...

Học viết và học nói

Trong rất nhiều điều Bác Hồ mong muốn các cán bộ cách mạng phải rèn luyện, có điều Bác mong muốn mỗi người đều phải học viết; học nói. Đối với Bác, tiếng Việt là của cải lâu dài và vô cùng quý báu của dân tộc, “chúng ta phải giữ gìn nó, Quý trọng nó, làm nó phát triển ngày càng rộng khắp”. Học viết học nói cũng không chỉ giới hạn trong đội ngũ cán bộ tuyên truyền, trong đội ngũ những người cầm bút mà cũng là điều cần thiết đối với mọi người, từ các em học sinh còn đang ngồi trên ghế nhà trường...

Trong sự đa dạng và phong phú của những bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh, có thể rút ra những nét chung nổi bật nhất của phong cách diễn đạt mà Người đã thể hiện suốt cuộc đời mình, một phong cách mẫu mực cho cả hiện tại và tương lai.

Đối với “nhà báo” Hồ Chí Minh trước hết cần xác định rõ chủ đề đối tượng, mục đích của việc nói và viết từ đó mới có thể tìm cách nói, cách viết cho phù hợp nhất mới chủ đề, với đối tượng để đạt được mục đích đề ra. Trong tác phẩm Sửa đổi lối làm việc, trong bài Cách viết; trong bài nói tại Đại hội Hội Nhà báo Việt Nam lần thứ hai; bài nói tại Hội nghị tuyên truyền miền núi (1958), cũng như trong toàn bộ các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh chúng ta đều thấy Người nhấn mạnh bốn vấn đề liên quan chặt chẽ với nhau: Nói, viết cái gì? Nói, viết như thế nào? Chủ đề, đối tượng, Mục đích quyết định cách thể hiện, cách thể hiện tốt làm cho nội dung nói và viết đúng với chủ đề, đúng đối tượng và đạt được mục đích của việc nói và viết.

Giản dị và sâu sắc

Bác Hồ đã nói và viết về rất nhiều chủ đề khác nhau của cách mạng Việt Nam, của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế... trong chủ đề bao trùm là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Người nói và viết cho rất nhiều đối tượng khác nhau, từ những đại biểu cao nhất của chủ nghĩa thực dân đế quốc; nhân dân các nước thuộc địa; nhân dân và Đảng Cộng sản các nước anh em; những người có lương tri tiên bộ trên khắp thế giới... và nhiều nhất là cho đông đảo các tầng lớp nhân dân Việt Nam với dân tộc, tôn giáo, trình độ khác nhau. Với mỗi đối tượng cụ thể, trong những văn cảnh cụ thể, Bác Hồ đều tìm ra những cách nói cách viết phù hợp nhất. Nếu đối tượng là người phương tây, Bác có cách viết rất “Tây”, sâu xa, châm biếm, hài hước, ý nhị... Với nhân dân Việt Nam, Bác lại nói và

viết rất giản dị, Mộc mạc, nhiều khi có vần, có đôi như ca dao tục ngữ rất quen thuộc với số đông mọi người. Với những nhà tri thức uyên bác, Người lại bàn về những lời răn dạy của các bậc tiên hiền, bàn về những vấn đề sâu sắc của khoa học, của thơ ca và nghệ thuật...

Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể xưng hoạ thơ đường với các vị khoa bảng hay với các đồng chí Trung Quốc nhưng khi nói, khi viết cho đồng bào chưa có điều kiện học nhiều chữ, Người không dùng bất cứ một từ ngữ khó hiểu nào...Chân biếm kẻ thù thì sâu cay “như những ngon roi quất mạnh vào mặt bọn chúa tể ở pháp và các nơi khác...Đối với các đồng chí cán bộ đảng viên, bác lại hài hước nhắc nhở nhẹ nhàng bằng những hình ảnh quen thuộc để mọi người nhớ mãi như nhắc nhở mọi người tiết kiệm mà lẫn lộn chữ nghĩa để tiết kiệm biến thành tiết canh...

Người làm tiếng Việt thêm phong phú

Đồng chí Trường Chinh nhận xét: “Hồ Chủ Tịch nói tiếng nói của dân tộc, của nhân dân Việt Nam, Nhiều từ ngữ dân gian được bác đưa vào ngôn ngữ của mình rất tự nhiên, hợp lý, sáng tạo... “Người còn làm giàu thêm cho kho tàng ngôn ngữ dân tộc bằng nhiều từ mới, từ rút ngắn như Vùng trời, Giấc đói, giấc dốt...”

Nhà báo nổi tiếng U.Bocset lại nhận xét: “nét điển hình ở Hồ Chí Minh là chỉ với một vài từ hoặc một vài hình ảnh, Người có thể trình bày được những vấn đề phức tạp”. Hình ảnh đoàn quân đội viễn chinh Pháp bị nhốt vào đáy mũ của Người minh hoạ cho cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ lúc lên đến đỉnh cao là một ví dụ rõ nét nhất...

Một nhà báo, nhà sử học Pháp còn phát hiện: “Hồ Chí Minh đã gạch tất cả những công thức tiêu cực để thay bằng những công thức tiêu cực cùng nghĩa. Người không đồng ý câu tôi viết trong đề cương là: Không có chủ nghĩa xã hội thì các dân tộc không thể đi đến giải phóng hoàn toàn, mà đề nghị sửa lại là: Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể đảm bảo cho các dân tộc giải phóng hoàn toàn”.

Sự phong phú trong cách thể hiện của Bác Hồ khi nói và viết làm chúng ta nhận ra những đặc trưng trong cách nói, cách viết Hồ Chí Minh. Đó là:

- Chân thực. Mỗi bài nói, bài viết của Bác Hồ đều bắt nguồn từ thực tế cuộc sống với những con số, những sự kiện đã được xem xét, kiểm tra, chọn lọc. Bao giờ Người cũng đem lại cho người đọc, người nghe lượng thông tin cao và chính xác. Chính tính chân thực đã làm nên sức thuyết phục cao của những bài nói, bài viết của người đối với người nghe, người đọc. Chân thực cũng là yêu cầu đầu tiên của Bác Hồ đặt ra đối với cán bộ, đảng viên khi nói, khi viết. Bác thường nhắc nhở: “Viết phải đúng sự thật, không được bịa ra”; không nên nói ầu”; “Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói chớ viết”...

- Ngắn gọn là một đặc trưng rất nổi bật trong cách nói, cách viết Hồ Chí Minh, “ngắn gọn có nghĩa là gọn gàng, rõ ràng, có đầu, có đuôi, có nội dung thiết thực, thấm thía, chắc chắn”. Ngắn gọn trong cách nói cách viết Hồ Chí Minh là cô đọng, hàm súc, ý nhiều lời ít, không có lời thừa, chữ thừa. Đặc tính ngắn gọn, hàm súc trong các bài nói, bài viết của Bác Hồ là sự kế thừa và phát triển phong cách phương Đông. Đó cũng là kết quả công phu rèn luyện của Bác từ những ngày đầu tham gia hoạt động chính trị, tham gia làm báo cách mạng. Người nhiều lần phê bình nhắc nhở cán bộ về mặt ba hoa, viết vừa dài vừa rỗng. Người thường khuyên cán bộ nói viết đều phải ngắn gọn, thiết thực, đi thẳng vào vấn đề. Nói dài, viết dài và sáo rỗng đều hoàn toàn xa lạ với phong cách Hồ Chí Minh.

- Trong sáng, giản dị, dễ hiểu. Toàn bộ các bài nói, bài viết của Bác Hồ đều rất trong sáng về ý tưởng và văn phong, giản dị trong cách trình bày và dễ hiểu với người nghe, người đọc. Tư tưởng Hồ Chí Minh đến với mọi người bằng những ngôn từ quen thuộc – dù đó là những vấn đề của cuộc sống chiến đấu, lao động hàng ngày hay những vấn đề lớn của đất nước, của thời đại.

Muốn nói, muốn viết được trong sáng, giản dị, dễ hiểu, theo Bác Hồ, trước hết phải học cách nói của quần chúng. Phải thực sự học quần chúng để có cách nói, cách viết được quần chúng chấp nhận như những gì của chính họ. Bác Hồ phê phán rất gay gắt những cán bộ đem “thặng dư giá trị” ra nhồi sọ cho ba con nông dân; có cán bộ đem “tân dân chủ nghĩa” ra giáo dục các em nhi đồng; mang “biện chứng pháp” ra nói với anh em công nhân đang học chữ quốc ngữ...(!). Trong cách nói cách viết của mình, bác thường giản dị hoá mọi vấn đề khó hiểu mà không phải là sự đơn giản tầm thường, Sự giản dị, trong sáng của Người bắt đầu từ sự hiểu biết thấu đáo bản chất của sự vật, từ sự gắn bó với truyền thống dân tộc trong nếp cảm, nếp nghĩ...

Để viết và nói được trong sáng giản dị, dễ hiểu, Bác Hồ còn chỉ ra rằng phải chống lại căn bệnh hay nói chữ, ham dùng chữ, bệnh sinh dùng chữ nước ngoài nào đã quen thuộc, đã “hoá thành chữ ta” mà không dùng thì không đúng. Bác Hồ đã nêu ví dụ: ta nói độc lập chứ không nói đứng một, nói du kích chứ không nói đánh chơi.. Còn đối với bệnh lạm dụng chữ nước ngoài thì dù dùng đúng cũng đã có hại, nếu dùng sai theo kiểu dốt hay nói chữ thì cái hại lại càng to....

Sinh thời Bác Hồ đã căn dặn chúng ta nhiều điều khi học viết, học nói. Văn không chỉ là văn. Văn cũng chính là người. Học nói, học viết cũng là từng bước hoàn thiện những phẩm giá của mình.

Hãy viết cho người đọc hiểu được, nhớ được, làm theo được

Trong lý lịch còn giữ tại kho lưu trữ của Quốc tế cộng sản trước đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi ở phần nghề nghiệp: Nghề viết báo bên cạnh một số nghề khác.

Đồng chí Phạm Văn Đồng viết: “Hồ Chí Minh là nhà chiến lược, nhà lãnh đạo, nhà tổ chức, đồng thời là nhà văn hoá, nhà thơ lớn. Suốt đời Hồ Chí Minh là người cầm bút chiến đấu trên mặt trận văn hoá, báo chí, với một văn phong đa dạng, nhiều sắc thái”. Và “Người ta đã nói nhiều về phong cách nói và viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tôi không nhắc lại, nhưng phải nhấn mạnh rằng: anh em, đồng chí chúng ta vẫn chưa học được phong cách tuyệt vời của Bác. Trong một bài viết hoặc bài nói, Bác không chỉ chú ý từng câu, từng chữ, mà còn chú ý nói cái gì trước, cái gì sau, bởi vì có khi đó lại chính là điều quan trọng nhất”.

Một điều rất dễ nhận thấy là các bài viết của Bác Hồ thường ngắn. Phải có bản lĩnh, có trí tuệ phong phú mới viết ngắn được! V.I.Lênin cũng thường viết ngắn và lần nào gửi bài cho báo Sự Thật mà viết hơi dài thì V.I.Lênin thường ghi: Vì ít thời gian nên bài này tôi viết hơi dài, các đồng chí sửa chữa giúp! Như vậy, theo V.I.Lênin nếu có thời gian thì ông sẽ viết ngắn hơn, chứ không phải như nhiều người thường nói: Bạn quá, nên không viết được dài!

Những bài báo của Bác được viết ra với một mục đích là để người đọc hiểu, nhớ và làm theo được. Người nói: “Muốn cho người đọc hiểu được, nhớ được, làm được thì phải viết cho

đúng trình độ người xem”. Bác còn nhắc nhở: Nhiều người cứ tưởng mình viết gì, nói gì, người khác đều hiểu cả!

Trong cách nói, cách viết, Bác Hồ luôn chú ý tránh những thông tin thừa, những gì mọi người đã biết rồi thì Bác không viết nữa. Trong những bài viết, Bác thường dùng những câu ngắn, giản dị, sáng rõ. Trong “Thư gửi thiếu nhi Việt Nam đêm Trung thu đầu tiên của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà” ngày 22-9-1945, in trên Báo Cứu Quốc số 49, Bác Hồ chỉ viết có 192 từ. Thư gửi Báo Thiếu Sinh số 1, tờ báo của trẻ em đầu tiên, Bác chỉ viết có 49 từ. Thư gửi các vị phụ lão ngày 20-9-1945, Bác viết có 299 từ. Bản Tuyên ngôn độc lập – Một văn bản lập quốc vĩ đại, đọc tại Ba Đình lịch sử ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ viết có 1.025 từ.

Là một người được làm việc gần Bác trong nhiều năm, đồng chí Trường Chinh đã viết: “Về văn phong, cách nói và cách viết của Hồ Chủ tịch có những nét rất độc đáo: Nội dung khẳng khái, thấm thía, đi sâu vào tình cảm con người, chinh phục cả trái tim và khối óc của người ta; hình thức sinh động, giản dị, dễ hiểu, giàu tính dân tộc và tính nhân dân. Người rất ghét văn chương sáo rỗng, nhạt nhẽo, rất ghét nói và viết dài dòng, khó hiểu, lung tung, lằng nhằng và kiên quyết phản đối dùng chữ nước ngoài không cần thiết”.

Trong những lời kêu gọi hoặc những bài viết của Người, chúng ta thấy âm vang tinh thần quật cường, bất khuất của dân tộc:

“Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ, chỉ có một chí: Quyết không chịu mất nước”.

“Chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho Tổ quốc”.

“Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng chung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại”. Văn Hồ Chủ tịch thường ngắn gọn, nhưng thấm thía, xúc động lòng người. Hồ Chủ tịch viết y như nói, tiếng nói của dân tộc, của nhân dân Việt Nam”.

Bác Hồ vận dụng ngôn ngữ và cách nói của quần chúng. Bác thường khuyên: “Chúng ta muốn tuyên truyền quần chúng, phải học cách nói của quần chúng, mới nói lọt tai quần chúng... Vì cách nói của quần chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại giản đơn”. Người viết:

- “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống”.

- “Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều là dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc”.

- “Sinh hoạt xa hoa, tiêu xài bừa bãi. Tiền bạc đó ở đâu ra? Không xoay của Đảng thì xoay của đồng bào... Việc dễ thì tranh lấy cho mình. Việc khó thì đùn cho người khác. Gặp việc nguy hiểm thì tìm cách để trốn tránh”.

- “Kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình không tài năng gì, cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài có đức, nhưng không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài”.

- “Thứ nhất dân ghét các ông chủ tịch, các ông uỷ viên vì cái tật nông nghênh, cậy thế, cậy quyền... Người ta còn thì thảo chỉ chỗ ông tỉnh trưởng kia vác ô tô đưa bà “tỉnh trưởng” đi chơi mát mỗi buổi chiều”.

- “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”.

Những câu viết của Bác giản dị, sâu sắc và đi thẳng vào lòng người, khiến người đọc chỉ một lần đã nhớ.

Bác luôn nhắc nhở, báo chí của ta còn nhiều bài viết dài dòng quá. Bác phê bình lỗi viết “rau muống” và còn “ham dùng chữ”. Các ông viết báo nhà mình hay dùng chữ quá. Những chữ tiếng ta có mà không dùng, lại dùng cho được chữ kia. Ba tháng thì nói “tam cá nguyệt”, xem xét thì nói “quan sát”, máy bay thì nói “phi cơ”, người đánh cá thì nói “ngư dân”, nhà in lại in nhầm chữ u thành chữ u, thế là do bệnh dùng chữ mà người đánh cá hoá thành ngư dân!

Bác nhắc nhở những chữ mà tiếng ta có thì phải dùng tiếng ta. Nhưng ngày nay, đọc các báo chúng ta vẫn còn thấy bệnh dùng chữ nước ngoài và gần đây bệnh đó lại có xu hướng lan tràn hơn! Bác Hồ là người hết lòng yêu mến, quý trọng tiếng Việt và tin tưởng vào khả năng to lớn của tiếng Việt. Bác nói: “Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phổ biến ngày càng rộng khắp”.

Bác đã góp phần làm phong phú tiếng Việt. Bác là người đầu tiên đưa ra một số từ ngữ mới mà nay chúng ta quen dùng như: Giặc đói, giặc dốt, óc bè phái, óc hẹp hòi, thói ba hoa, nghị quyết túi áo, báo cáo túi quần, bệnh quan liêu, tệ lãng phí, nạn tham nhũng, thói mệnh lệnh, óc địa phương, đảng viên đi trước, làng nước theo sau, ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền, các dân tộc anh em, các đảng bạn, các nước bầu bạn, miền Nam thành đồng Tổ quốc, đồng bào công giáo kính Chúa yêu nước vv...

Nhà văn hóa Hà Huy Giáp nhận định: “Hồ Chủ tịch rất chú trọng cách viết. Người rất cẩn trọng ngay đến cách dùng một từ nhỏ, một dấu chấm câu, cách bố cục một bài viết. Hồ Chủ tịch là một nhà ngôn ngữ nghiêm khắc. Cũng như V.I.Lênin, Người dùng rất ít chữ, mà là những chữ đúng nhất, cần thiết nhất, để một viên sĩ hàn lâm đến người nông dân đều có thể hiểu được”.

Đôi nét về văn phong báo chí của Bác

Sinh thời, Bác Hồ luôn viết báo để cổ động, tuyên truyền, giáo dục... gắn liền với hoạt động cách mạng của Người. Từ những ngày còn hoạt động ở nước ngoài, Bác đã viết rất nhiều bài báo với nhiều bút danh khác nhau.

Người viết cho báo ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc và nhiều nước khác. Sau này, khi làm Chủ tịch nước, Bác vẫn viết đều đặn cho nhiều báo về nhiều đề tài. Văn phong báo chí của Bác giản dị, ngắn gọn, sâu sắc, thường pha chút hài hước nên rất dí dỏm và sinh động.

Có điều rất đặc biệt là, dù viết để “đánh địch” nhưng mục đích là cảnh tỉnh, giáo hoá, Bác bao giờ cũng giữ được tình lý phân minh, đúng mực, không có những lời thóa mạ, cay độc. Còn viết bài cho nhân dân lao động, bộ đội, thanh niên, thiếu nhi... thì Bác dùng câu văn dễ hiểu, dễ nhớ nhưng lý lẽ xác đáng đầy thuyết phục và tình cảm chân thành, thiết tha đi vào lòng người. Đối với Người, báo chí là công cụ đoàn kết quốc tế, đoàn kết giai cấp công nhân, đoàn

kết các dân tộc bị áp bức đấu tranh giải phóng, đoàn kết phong trào cộng sản thế giới. Mặt khác Người cũng đã dùng báo chí để đánh địch. Người viết về con người, sự việc thuộc “đôi phương” ở nước ngoài thì rất nhạy bén về chính trị và cách sử dụng ngôn ngữ của Bác thể hiện rất rõ nét, bằng những chứng cứ và số liệu cụ thể để vạch trần tội ác của đế quốc.

Những bài báo Bác viết đăng các báo và tạp chí uy tín ở nước ngoài hiển thị nghệ thuật đánh địch bằng lời, nghệ thuật “đẩy bóng trả lại địch”, nghệ thuật lướt qua những vấn đề tế nhị mà vẫn giữ được nguyên tắc, đường lối, để “lấy gậy ông đập lưng ông”.

Còn những bài báo viết để đánh địch đăng ở trong nước, Bác đã sử dụng rất khéo về từ ngữ nhằm lột rõ bộ mặt thật của chủ nghĩa đế quốc, qua đó cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đẩy mạnh cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược, cổ vũ ý chí giành thắng lợi cuối cùng bằng chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu và tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại. Không chỉ động viên, mà qua tác phẩm báo chí với văn phong trong sáng của mình, Bác Hồ đã giáo dục và uốn nắn những lệch lạc, yếu kém của các ngành, các địa phương.

Điều đặc biệt ở văn phong báo chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “tính quần chúng” được thể hiện rất đậm nét. Bác nói: Kinh nghiệm của tôi thế này. Mỗi khi viết một bài báo, thì tự đặt câu hỏi: Viết cho ai xem? Viết để làm gì, viết thế nào cho phổ thông dễ hiểu, ngắn gọn dễ đọc? Sinh thời Bác luôn giáo dục các nhà báo đồng thời Người cũng yêu cầu khi nói, khi viết: Phải học cách nói quần chúng. Chớ nói như giảng sách. Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng...

Khi viết, khi nói, phải luôn luôn làm thế nào cho ai cũng có thể hiểu được. Làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình. Chỉ thống kê trong 10 năm, từ 1955 đến 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện hơn 700 lượt đi xuống cơ sở, thăm các địa phương, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị bộ đội từ miền xuôi đến miền ngược, từ biên giới đến hải đảo... Tính ra mỗi năm có hơn 70 lần Người đi xuống cơ sở, mỗi tháng có 6 lần Người gặp gỡ quần chúng. Con số đó nói rõ phong cách của một lãnh tụ suốt đời gắn bó với quần chúng.

Tư tưởng, quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc sử dụng ngôn ngữ báo chí được thể hiện bằng tình cảm, thái độ của Người đối với dân tộc. Người nói: Tiếng nói là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Do đó trong khi viết, Bác rất chú trọng đặt câu và phát triển câu. Người yêu cầu văn phong phải giản dị, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, không cầu kỳ chữ nghĩa, bố cục chặt chẽ thể hiện ở từng từ, từng câu.

Từ năm 1951 – 1969, Bác đã viết 1.205 bài báo với 23 bút danh khác nhau cho báo Nhân Dân và gần 300 bài cho báo chí nước ngoài, hiếm có nhà báo chuyên nghiệp nào viết đạt kỷ lục như vậy. Thế nhưng trong khi viết báo, Bác luôn luôn yêu cầu mọi người xung quanh Người đọc lại bản thảo xem có từ ngữ nào khó hiểu để Bác sửa lại cho trong sáng, từ ngữ giản đơn mà ý tứ sâu sắc.

Bác viết bài báo: “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” đăng trên báo Nhân Dân số 5409 ra ngày 3/2/1969, bài báo này trước khi gửi đến Toà soạn Bác đã cho đánh máy thành nhiều bản gửi đến từng đồng chí ủy viên Bộ Chính trị đề nghị tham gia ý kiến. Hiện nay, chúng ta đọc lại bài báo của Bác thấy câu chữ vô cùng sâu sắc, bố cục rất chặt chẽ, còn nguyên tính thời sự nóng hổi.